BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38/2018/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018*

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, bao gồm: Trường cao đẳng, trường trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp.

Điều 3. Diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm diện tích các loại công trình như sau:

a) Phòng học lý thuyết các môn khoa học cơ bản, môn kỹ thuật cơ sở, các môn chuyên môn, vẽ kỹ thuật;

b) Giảng đường;

c) Phòng chuẩn bị giảng dạy;

d) Phòng hội đồng;

đ) Phòng nghỉ cho nhà giáo;

e) Thư viện;

g) Hội trường (trên 100 chỗ ngồi);

h) Ký túc xá;

i) Nhà ăn (bếp ăn);

k) Khu rèn luyện thể chất, thể dục thể thao;

l) Diện tích các phòng, khu chức năng phục vụ thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm của từng ngành, nghề đào tạo.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức

1. Các tiêu chuẩn, định mức quy định tại Thông tư này được áp dụng căn cứ vào các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, bố trí sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp căn cứ quy mô đào tạo, ngành, nghề đào tạo, tính chất công việc của chức danh, nhu cầu sử dụng, khả năng của ngân sách nhà nước, quỹ nhà đất hiện có và mức độ tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập để quyết định cho phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các công trình sự nghiệp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

2. Nội dung tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các phòng, khu chức năng phục vụ thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm của từng ngành, nghề đào tạo được áp dụng theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về tiêu chuẩn cơ sở vật chất để tổ chức đào tạo cho từng ngành, nghề theo các trình độ đào tạo.

3. Các diện tích quy định chi tiết tại Thông tư này là diện tích tối đa và tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc đầu tư ngân sách thuê công trình sự nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì không xác định lại diện tích theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Thông tư này.

2. Bộ, cơ quan trung ương, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã ban hành các tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp phù hợp với quy định tại Thông tư này thì tiếp tục thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức đã ban hành.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Người đứng đầu cơ quan Trung ương của Tổ chức chính trị - xã hội có cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; người đứng đầu các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, TCGDNN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Lê Quân



Phụ lục:

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG TIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH SỰ NGHIỆP THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các phòng học lý thuyết các môn khoa học cơ bản, môn kỹ thuật cơ sở, các môn chuyên môn, vẽ kỹ thuật; phòng chuẩn bị giảng dạy; phòng hội đồng; phòng nghỉ cho nhà giáo ở mỗi tầng của khu nhà học được quy định chi tiết như sau:

STT	Tên phòng	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Ghi chú
1	Phòng học lý thuyết các môn khoa học cơ bản, môn kỹ thuật cơ sở, các môn chuyên môn, vẽ kỹ thuật	*(m^2/phòng)*	60	Tối thiểu 48 m^2/phòng
2	Phòng chuẩn bị giảng dạy	*(m^2/giáo viên)*	1,5	Tối thiểu 1,2m^2/giáo viên
3	Phòng hội đồng	*(m^2/phòng)*	45	Tối thiểu 18 m^2
4	Phòng nghỉ cho nhà giáo	*(m^2/phòng)*	30	Tối thiểu 18m^2/phòng

2. Giảng đường

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các giảng đường căn cứ vào số lượng chỗ ngồi trong giảng đường. Diện tích một chỗ ngồi trong giảng đường tối đa là 1,3m^2/chỗ ngồi (tối thiểu 1m^2/chỗ ngồi).

3. Thư viện

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các phòng trong thư viện như sau

STT	Tên phòng	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Ghi chú
1	Phòng đọc điện tử (dùng máy tính)	*(m^2/chỗ)*	3,5	
2	Phòng đọc của cán bộ, giáo viên	*(m^2/chỗ)*	2,4	Tối thiểu 2m^2/chỗ
3	Phòng đọc của người học	*(m^2/chỗ)*	2,0	
4	Kho sách	*(m^2/1000 đơn vị sách)*	2,5	

4. Hội trường (trên 100 chỗ ngồi)

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các phòng trong hội trường được quy định chi tiết như sau

STT	Tên phòng	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Ghi chú
1	Phòng khán giả	*(m^2/chỗ)*	0,8	
2	Sân khấu	*(m^2/chỗ)*	0,25	Tối thiểu 0,2m^2/chỗ
3	Kho (dụng cụ) sân khấu	*(m^2/phòng)*	15	Tối thiểu 12 m^2/phòng
4	Kho thiết bị dụng cụ	*(m^2/chỗ)*	0,25	
5	Phòng truyền thanh, hình ảnh	*(m^2/phòng)*	18	Tối thiểu 15 m^2/phòng
6	Sảnh, hành lang kết hợp chỗ nghỉ	*(m^2/chỗ)*	0,25	Tối thiểu 0,2m^2/chỗ
7	Phòng diễn viên, phòng thay đồ	*(m^2/phòng)*	36	Tối thiểu 24m^2/phòng
8	Khu vệ sinh	*(m^2/phòng)*	8	Tối thiểu 2 m^2/phòng

5. Ký túc xá

5.1. Mỗi phòng trong ký túc xá bố trí không quá 8 người; tối đa không quá 40m^2/phòng (tiêu chuẩn diện tích tối thiểu là 4,0m^2/người).

5.2. Khu vệ sinh trong mỗi phòng ký túc xá: 8m^2/phòng.

6. Nhà ăn (bếp ăn)

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các khu vực trong nhà ăn được quy định chi tiết như sau:

STT	Các khu vực trong nhà ăn (bếp ăn)	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Ghi chú
1	Khu vực gia công và kho	*(m^2/chỗ)*	1,2	Tối thiểu 0,8m^2/chỗ
2	Khu vực ăn và giải khát	*(m^2/chỗ)*	1,4	Tối thiểu 0,8m^2/chỗ
3	Khu vực hành chính	*(m^2/chỗ)*	0.8	Tối thiểu 0,2 m^2/chỗ
4	Khu vực phục vụ	*(m^2/chỗ)*	1,3	Tối thiểu 0,5 m^2/chỗ

7. Khu rèn luyện thể chất, thể dục thể thao

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích khu đất rèn luyện thể chất, thể dục thể thao được tính 2m^2/người học./.